TỔNG HỢP THIỆT HẠI DO ẢNH HƯỞNG MƯA LỚN NGÀY 21-23/8/2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Báo cáo số 555/BC-UBND ngày 23/8/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Xã/phường	Người	Nhà ở					Nông lâm nghiệp		Giáo dục (số cơ sở giáo dục)	Giao thông (ngập nước, bị chia cắt, cây đổ chắn đường)	Điểm sạt lở taluy	Thủy sản (ha)	Khác
			Số hộ phải di dời (hộ)	Tốc mái (hộ)	Cây đổ vào nhà, sạt lở, sét đánh (hộ)	Công trình phụ (bếp, chuồng trại) (cái)	Nhà ngập (cái)	Nông nghiệp (ha)	Lâm nghiệp (ha)					
	TỔNG CỘNG	**1**	**2085**	**2**	**219**	**31**	**2816**	**2280,508**	**3,418**	**5**	**416**	**361**		**46**
I	**Các đơn vị**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**34**	**98**		**0**
I	Sở Xây dựng										34	98		
II	**Các xã, phường**	**1**	**2085**	**2**	**219**	**31**	**2816**	**2280,508**	**3,418**	**5**	**382**	**263**		**46**
1	Kỳ Lừa		82				126	20					5 ao cá	2
2	Đông Kinh		88		11	1	68	68,5			8			
3	Lương Văn Tri		200		1						4			
4	Tam Thanh		20				90	2			10			
5	Mẫu Sơn	0	30		13	1	92	60			8	5	300kg cá hồi	
6	Thống Nhất	0	35	0	14	1	35	131,5		0	5	7	0,3	
7	Yên Bình		3					65			8			
8	Đình Lập		16		16	1		20			10	25		
9	Thiện Tân				1						2			
10	Ba Sơn		30		30	2	7	10			25			
11	Thái Bình	1	3		1	1					3	1		
12	Thụy Hùng				11			30			5	2		
13	Nhất Hòa		1		1			42			3			
14	Cao Lộc				2	1		5			2	4		
15	Na Sầm		524		6		524			1	14			14
16	Yên Phúc		4					47			6	3		
17	Kiên Mộc	0			4	3	1	10			7			
18	Na Dương	0		0		1	32	230	0	0	9	8		
19	Khuất Xá	0	11	0	10	6	5				10			
20	Cai Kinh				1	2	5	108,5			20			2
21	Kháng Chiến						8	12			1			
22	Đồng Đăng				5	2		6,288		3	3	11		
23	Tri Lễ			1		1		93			2			

STT	Xã/phường	Người	Nhà ở					Nông lâm nghiệp		Giáo dục (số cơ sở giáo dục)	Giao thông (ngập nước, bị chia cắt, cây đổ chắn đường)	Điểm sạt lở taluy	Thủy sản (ha)	Khác
			Số hộ phải di dời (hộ)	Tốc mái (hộ)	Cây đổ vào nhà, sạt lở, sét đánh (hộ)	Công trình phụ (bếp, chuồng trại) (cái)	Nhà ngập (cái)	Nông nghiệp (ha)	Lâm nghiệp (ha)					
24	Nhân Lý							7			16	2		4
25	Khánh Khê					1		21,1				15		
26	Tuấn Sơn				9			88,22			26			
27	Văn Quan						12	37,5						
28	Công Sơn				1	1		10			1	6		1
29	Hoa Thám				2			12,5			2	3		
30	Lợi Bác		5		7		7	20			10	12		
31	Quan Sơn				4		6	3,5			14	6		
32	Bằng Mạc				9		9	56			1			
33	Lộc Bình		16		3	2		30				4		2
34	Chi Lăng						45	60			3			
35	Hội Hoan		12		4		524				12	2		12
36	Vân Nham		11					50			6	3		
37	Hoàng V Thụ		28		7		41	21			18	41		
38	Tân Đoàn		2				15	20			1			
39	Hữu Liên		2		1		1	30			1			
40	Quốc Việt						10				18	1	1,1	
41	Bình Gia					1	8	45	0,2		2	1		
42	Tân Tiến				4			11,9	0,018		2	2		
43	Xuân Dương				5			5,8			1	10	0,1	
44	Chiến Thắng				21		6	143			16	12		
45	Thiện Hòa							1,2			2	9		2
46	Hữu Lũng		30	1			21	90,8	2		24	3		
47	Tràng Định		150		6		450	60			2	4		
48	Châu Sơn				1						7	8		
49	Văn Lãng		25		1		6	20,8			9			2
50	Điềm He		7		2	1	7	29,9		1	2	4		
51	Hưng Vũ											2		
52	Quý Hòa				2			1			3	9		
53	Bắc Sơn							34,3			4			1
54	Hồng Phong							8				4		4

STT	Xã/phường	Người		Nhà ở				Nông lâm nghiệp		Giáo dục (số cơ sở giáo dục)	Giao thông (ngập nước, bị chia cắt, cây đổ chắn đường)	Điểm sạt lở taluy	Thủy sản (ha)	Khác
			Số hộ phải di dời (hộ)	Tốc mái (hộ)	Cây đổ vào nhà, sạt lở, sét đánh (hộ)	Công trình phụ (bếp, chuồng trại) (cái)	Nhà ngập (cái)	Nông nghiệp (ha)	Lâm nghiệp (ha)					
55	Vũ Lễ							7,5						
56	Thiện Long										6			
57	Thất Khê		750				650	255			3	2		
58	Quốc Khánh				1		3	55			3	1		
59	Tân Tri				1			46			2	8		
60	Vạn Linh						2	25				17		
61	Thiện Thuật				1	2		20.1	1,2			5	1 ao cá bị vỡ	
62	Tân Văn							13				1		
63	Đoàn Kết													
64	Tân Thành				1		1							
65	Vũ Lăng							1,5				2		